

CHƯƠNG TRÌNH ƯU ĐÃI LÃI THẤP DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

1. Thời gian triển khai:

Áp dụng cho các khoản vay ngắn hạn được giải ngân trong thời gian kể từ ngày 19/07/2021 đến khi xảy ra một trong các điều kiện sau đây, tùy thuộc điều kiện nào đến trước:

- (i) hết ngày 31/12/2021 hoặc;
- (ii) khi dư nợ của Chương trình đạt 3.000 tỷ đồng (hoặc USD quy đổi tương đương).

2. Điều kiện áp dụng:

- Áp dụng cho tất cả các KHDN phát sinh khoản giải ngân mới trong thời gian triển khai Chương trình tại Khoản 1 Điều này
- Chương trình không áp dụng đồng thời với các chương trình hay sản phẩm ưu đãi khác (trừ chương trình ưu đãi dành cho KHDN vay vốn tại TPBank (chuyển đổi lãi suất))
- Đối với các KH hoạt động trong các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên được quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN khi có nhu cầu vay ngắn hạn bằng VND thì các bên thỏa thuận mức lãi suất phù hợp nhưng không vượt mức lãi suất do NHNN quy định từng thời kỳ mà không áp dụng mức lãi suất theo quy định tại chương trình này.

3. Địa bàn triển khai: Tất cả ĐVKD trên toàn hệ thống TPBank (ngoại trừ các ĐVKD do Khối Đầu tư và khách hàng doanh nghiệp lớn quản lý).

4. Hạn mức của Chương trình: 3.000.000.000.000 VND (Ba ngàn tỷ đồng) hoặc USD quy đổi tương đương

5. Loại tiền giải ngân, thời hạn khoản vay, thời gian ưu đãi, lãi suất cho vay, FTP_bv:

- Loại tiền giải ngân: VND, USD
- Thời hạn khoản vay: Tối đa 12 tháng từ thời điểm giải ngân
- Thời gian ưu đãi, Lãi suất cho vay ưu đãi tối thiểu và FTP_bv:
 - o LsCV ưu đãi tối thiểu = LsCV theo quy định – biên độ ưu đãi, đồng thời không được thấp hơn LsCV tối thiểu theo từng phân khúc
 - o FTP_bv: theo quy định
 - o Sau thời gian ưu đãi LsCV và FTP_bv áp dụng theo đúng quy định

Ø Phương án 1: Thời gian ưu đãi lãi suất từ 3 tháng trở xuống:

| Phân khúc KH | VND | | USD | |
|-------------------------------|---|-----------------------------|--|-----------------------------|
| | Phân khúc Upper1 trở lên | Phân khúc Medium2 trở xuống | Phân khúc Upper1 trở lên | Phân khúc Medium2 trở xuống |
| Biên độ ưu đãi | 2.0% | | 1.0% | 0 |
| LsCV tối thiểu | Lãi suất cho vay không được thấp hơn 7.0%/năm đối với phân khúc Upper 1 trở lên và không được thấp hơn 7.4%/năm đối với phân khúc Medium 2 trở xuống | | Lãi suất cho vay không được thấp hơn 4.0%/năm đối với tất cả các phân khúc | |
| Kỳ điều chỉnh lãi suất | Với các kế ước nhận nợ (KUNN) có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống: cố định lãi suất trong suốt thời gian vay. Với các KUNN có kỳ hạn trên 3 tháng: điều chỉnh lãi suất 3 tháng/ lần | | | |

Ø Phương án 2: Thời gian ưu đãi lãi suất từ trên 3 tháng đến 6 tháng

| Phân khúc KH | VND | | USD | |
|-------------------------------|---|-----------------------------|--|-----------------------------|
| | Phân khúc Upper1 trở lên | Phân khúc Medium2 trở xuống | Phân khúc Upper1 trở lên | Phân khúc Medium2 trở xuống |
| Biên độ ưu đãi | 0.8% | | 0.5% | 0.4% |
| LsCV tối thiểu | Lãi suất cho vay không được thấp hơn 7.5%/năm đối với phân khúc Upper 1 trở lên và không được thấp hơn 7.9%/năm đối với phân khúc Medium 2 trở xuống | | Lãi suất cho vay không được thấp hơn 4.2%/năm đối với tất cả các phân khúc | |
| Kỳ điều chỉnh lãi suất | Với các kế ước nhận nợ (KUNN) có kỳ hạn từ 6 tháng trở xuống: cố định lãi suất trong suốt thời gian vay. Với các KUNN có kỳ hạn trên 6 tháng: điều chỉnh lãi suất 6 tháng/ lần | | | |